

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Ma Thị H**, sinh năm 1985

Đăng ký HKTT: **Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang**; Nơi ở hiện nay: **Số nhà A, tổ dân phố I, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Trần T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: **Số nhà A, tổ dân phố I, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Ma Thị H** và anh **Hoàng Trần T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung **Hoàng Quỳnh N**, sinh ngày 10/01/2018 cho chị **Ma Thị H** trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao con chung **Hoàng Bảo N1**, sinh ngày 07/12/2011 cho anh **H1** Trần Thương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn, chị **H** và anh **T**

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị **Ma Thị H** và anh **Hoàng Trần T** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị **Ma Thị H** và anh **Hoàng Trần T** xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị **Ma Thị H** tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số 0000356 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục **T1** hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. **H2** trả lại cho chị **Ma Thị H** số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị **Ma T2** đã nộp đủ án phí của vụ án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND **TP . Tuyên Quang** (02 bản);
- Chi cục THADS **TP . Tuyên Quang** (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND p.Ỡ La, TP. Tuyên Quang (để biết)
- Lưu hồ sơ VA+ TA

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

